

Hoàng Hoá, ngày 15 tháng 8 năm 2017

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG 7 THÁNG ĐẦU NĂM 2017 CỦA CÁC QUỸ TÍN
DỤNG NHÂN DÂN TRÊN ĐỊA BÀN.

A.ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG

1. Nhận xét chung

Trên địa bàn hiện nay có 6 QTDND tham gia hoạt động là Hoàng Đạo, Hoàng Đạt, Hoàng Tiến, Hoàng Trường, Hoàng Trinh, TT Bút Sơn và QTDND Hoàng Đồng đang được đặt trong tình trạng kiểm soát đặc biệt. Các QTDND hiện tại có 7.495 thành viên tham gia với địa bàn hoạt động nằm ở 20 xã Hoàng Tiến, Hoàng Ngọc, Hoàng Thanh, TT Bút Sơn, Hoàng Đức, Hoàng Vinh, Hoàng Phúc, Hoàng Xuyên, Hoàng Đạo, Hoàng Thắng, Hoàng Trinh, Hoàng Sơn, Hoàng Lương, Hoàng Kim, Hoàng Trung, Hoàng Trường, Hoàng Hải, Hoàng Đạt, Hoàng Hà, Hoàng Yên

Sự phát triển mạnh của hệ thống QTDNDCS đã làm giảm tình trạng cho vay nặng lãi tại các địa phương, giải quyết công ăn việc làm cho người lao động trên địa bàn nông thôn. Đối tượng phục vụ của của hệ thống này chủ yếu là các thành viên trên địa bàn (chủ yếu là địa bàn nông thôn). ... Tuy nhiên trong quá trình hoạt động hệ thống này cũng đã bộc lộ nhiều những hạn chế, tiềm ẩn rủi ro cần khắc phục như vay nóng, lập hồ sơ khống...

2. Về nguồn vốn.

Đến tháng 7 năm 2017, tổng nguồn vốn là: 313.364trđ, đạt 95% so với cùng kỳ năm trước và 85,8% so với kế hoạch. Nguồn vốn huy động giảm do việc giảm sút của nguồn vốn huy động từ các tổ chức dân cư. Nguồn vốn huy động chỉ đạt 264.242 trđ chiếm 95% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nguồn điều lệ có tăng 14% nhưng chủ yếu tăng từ việc tăng số lượng thành viên tham gia và chiếm tỷ trọng không đáng kể (vốn điều lệ đạt 6% so với tổng nguồn vốn). Việc giảm sút của vốn huy động chứng tỏ sự mất lòng tin của người dân vào hệ thống quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn.

3. Về dư nợ cho vay

Dư nợ cho vay 7 tháng đầu năm 2017 đạt 94% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó nợ ngắn hạn là 206.704 trđ đạt 91% so với cùng kỳ năm trước. Trong khi đó nợ trung hạn là 38.430 trđ tăng 10% so với cùng kỳ năm trước. Sự gia tăng của nợ trung hạn đi kèm với sự giảm sút của nợ ngắn hạn làm tăng rủi ro cho hệ thống tín dụng.

Tỷ lệ nợ xấu tăng đột biến vào năm 2017, chủ yếu từ QTDND Hoàng Trinh và QTDND Hoàng Tiến. Nợ xấu (từ nhóm 3 đến nhóm 5) là 17.054 trđ tăng 34 lần so với cùng kỳ năm trước. Do khi phân loại nợ các QTDND không muốn phải mất thêm chi phí bảo hiểm cho nợ dưới tiêu chuẩn nên việc phân loại nợ không chính xác. Điều này càng làm gia tăng rủi ro khi cho vay của QTDND. Việc thẩm định khi cho vay khó khăn do nghiệp vụ các cán bộ ở QTDND có phần hạn chế và do một số hành vi trục lợi.

4. Lợi nhuận

Lợi nhuận năm 2017 giảm đáng kể thể hiện nguy cơ báo động về niềm tin của nhân dân vào hệ thống QTDND. Lợi nhuận sau thuế đạt 869 trđ đạt 22,6% so với kế hoạch (không kể QTD Hoàng Trinh không xác định được lợi nhuận). Do ảnh hưởng về tâm lý từ các QTDND Hoàng Trinh, Hoàng Đồng

5. Tình hình của từng quỹ tín dụng.

- Quỹ TDND Hoàng Đồng đang được đặt trong thời gian kiểm soát đặc biệt và gần như không hoạt động.

- QTDND Hoàng Trinh:

Do xảy ra một số sai phạm của bà Lê Thị Thanh- nguyên thủ quỹ đã lợi dụng nhiệm vụ được giao và mối quan hệ quen biết với người dân địa phương, sơ hở lỏng lẻo trong công tác quản lý, điều hành và kiểm soát của Hội đồng quản trị, giám đốc điều hành và ban kiểm soát để chiếm đoạt tài sản của Quỹ thông qua hành vi thu nợ không nộp quỹ, vay ké của thành viên, nhờ người khác vay hộ, mượn sổ đỏ của người khác lập khống hồ sơ vay tiền của Quỹ tín dụng để sử dụng cho mục đích cá nhân với số tiền lớn, dẫn đến nợ khó thu hồi, ảnh hưởng nghiêm trọng đến an toàn trong hoạt động của Quỹ tín dụng Hoàng Trinh. Ngân hàng nhà nước đã thành lập tổ công tác theo dõi mọi hoạt động của quỹ. Hiện quỹ đang cố gắng thu hồi nợ vay của những hộ cho bà Lê Thị Thanh vay nóng, nhưng hầu như những hộ này không có khả năng trả nợ. Không có khách hàng đến gửi tiết kiệm. Mọi hoạt động của quỹ chỉ ở mức độ cầm chừng.

- QTDND Hoàng Đạt lợi nhuận 7 tháng đầu năm là 17 trđ ở mức thấp.

- QTDND Hoàng Tiến: Nợ xấu là 1.254 trđ tăng 3 lần so với cùng kỳ năm trước. Giải thích nguyên nhân của tình trạng này Quỹ TD cho biết do một số khách hàng vay của quỹ đi biển chưa về nên chưa trả nợ được. Hiện tại Quỹ đang lỗ 118 trđ do gặp khó khăn trong kinh doanh.

- Các QTDND Hoàng Trường, Hoàng Đạo, TT Bút Sơn lợi nhuận giảm sút ở mức nhẹ.

B. THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN

1. Thuận lợi:

- Khi hệ thống ngân hàng chưa phát triển đến địa bàn từng xã thì quỹ tín dụng nhân dân với ưu thế về lãi suất cho vay và mối quan hệ thân thuộc gần gũi với người dân tạo điều kiện cho việc hoạt động của các quỹ tín dụng.

- Hệ thống tín dụng nhân dân ngày càng được nhà nước quan tâm, chỉ đạo để phát triển song song với hệ thống ngân hàng.

1. Khó khăn.

*** Về phía UBND huyện:**

- Do UBND huyện không phải là cơ quan quản lý về chuyên môn nên rất khó trong việc điều hành vì hoạt động tín dụng ngân hàng cần phải có sự quản lý chặt chẽ về mặt nghiệp vụ.

- Hoạt động tín dụng thiên về quản lý nghiệp vụ. nhưng lại ảnh hưởng đến hoạt động kinh tế chung của dân cư trên địa bàn.

- Hành lang pháp lý không rõ ràng, không quy định trách nhiệm cụ thể UBND cấp huyện quản lý nhà nước về lĩnh vực này, gây khó khăn trong việc quản lý.

*** Về phía các Quỹ tín dụng nhân dân**

- Do ảnh hưởng của một số quỹ tín dụng như Hoàng Trinh, Hoàng Đồng liên tiếp xảy ra những sai phạm trong hoạt động cho vay trong thời gian ngắn (3 năm) gây tâm lý hoang mang, lo ngại cho người dân và mất niềm tin vào hệ thống quỹ tín dụng trên địa bàn.

- Do sự cạnh tranh gay gắt của hệ thống ngân hàng thương mại được đầu tư quy mô cùng với hệ thống trang thiết bị hiện đại cũng như đội ngũ nhân viên vững về chuyên môn.

- Bản thân các quỹ tín dụng chưa thực sự được đầu tư thích hợp, sự lỏng lẻo trong việc thẩm định cho vay tiềm ẩn nhiều rủi ro; bộ máy tổ chức, người lao động của quỹ tín dụng mang tính chất gia đình, tính kinh tế tập thể bị hạn chế.

C. KIẾN NGHỊ

- Tạo hành lang pháp lý, môi trường làm việc ổn định để các QTDND được hoạt động an toàn không bị tác động bởi các yếu tố môi trường.



- Đề nghị cơ quan chuyên môn (Ngân hàng Nhà nước) tăng cường các hoạt động giám sát tránh tình trạng để xảy ra sai phạm làm mất niềm tin vào hoạt động chung của các quỹ tín dụng.

- Tăng mức bảo hiểm tiền gửi để khi xảy ra sự cố có thể đảm bảo an toàn cho người gửi tạo niềm tin vào các quỹ tín dụng.

- Cần một cơ chế đầu tư thích hợp cả về trang thiết bị lẫn chuyên môn để hoạt động quỹ tín dụng nhân dân đi vào quỹ đạo ổn định và phát triển.

- Cần sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 quy định về hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân để khắc phục những khó khăn, hạn chế trên.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Thanh Hóa (B/c);
- Ngân hàng NN chi nhánh Thanh Hóa;
- CT, các PCT;
- Lưu VT.

KT CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Văn Nhuận

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CÁC QUỸ TÍN DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN HOÀNG HÓA

(Kèm Báo cáo 179/BC-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Chủ tịch UBND huyện Hoàng Hóa)

ĐVT: trã

	Chỉ tiêu	Tổng các quỹ tín dụng nhân dân						Quỹ tín dụng nhân dân Hoàng Tiến					
		Thực hiện năm 2016	Kê hoạch năm 2017	Thực hiện 7 tháng năm 2017	cùng kỳ năm trước	% so sánh kế hoạch	% so sánh cùng kỳ năm	Thực hiện năm 2016	Kê hoạch năm 2017	Thực hiện 7 tháng năm 2017	cùng kỳ năm trước	% so sánh kế hoạch	% so sánh cùng kỳ năm trước
A	NGUỒN VỐN	331.966	365.253	313.364	329.419	85,8%	95%	30.050	40.000	33.829	25.494	84,6%	133%
I	Vốn điều lệ	19.055	21.374	19.149	16.755	89,6%	114%	5.027	7.000	5.859	3.329	83,7%	176%
II	Vốn huy động	277.674	309.082	264.242	276.858	85,5%	95%	21.423	31.500	25.090	18.050	79,7%	139%
I	Vốn huy động nội tệ	277.674	309.082	264.242	276.858	85,5%	95%	21.423	31.500	25.090	18.050	79,7%	139%
*	<i>Phân theo thời gian</i>	277.674	309.082	264.242	276.858	85,5%	95%	21.423	31.500	25.090	18.050	79,7%	139%
+	Tiền gửi không kỳ hạn	473	504	74	124	14,8%	60%						
+	Tiền gửi có kỳ hạn	277.201	308.578	264.168	276.733	85,6%	95%	21.423	31.500	25.090	18.050	79,7%	139%
*	<i>Phân loại theo DT</i>	277.674	309.082	264.242	276.856	85,5%	95%	21.423	31.500	25.090	18.050	79,7%	139%
+	Tiền gửi các tổ chức KT	-	-	-	-								
+	Tiền gửi từ khu vực dân cư	277.674	309.082	264.242	276.856	85,5%	95%	21.423	31.500	25.090	18.050	79,7%	139%
2	Vốn huy động ngoại tệ quy đổi VNĐ	-	-	-	-								
III	Vốn đi vay	20.450	18.500	16.232	21.000	87,7%	77%	3.600	1.500	2.880	4.114	192,0%	70%
IV	<i>Vôn khác (tái cấp vốn, ủy thác đầu tư,</i>	14.787	16.297	13.740	14.813	84,3%	93%						
B	DU NỢ CHO VAY	273.720	311.736	245.134	261.537	78,6%	94%	25.033	37.000	26.604	20.554	71,9%	129%
I	Phân theo thời gian	273.720	311.736	245.134	261.537	78,6%	94%	25.033	37.000	26.604	20.554	71,9%	129%
1	Nợ ngắn hạn(<= 12 tháng)	236.660	278.293	206.704	226.589	74,3%	91%	21.766	33.000	23.974	15.772	72,6%	152%
2	Nợ trung hạn(> 12 tháng đến 60 tháng)	37.060	33.443	38.430	34.948	114,9%	110%	3.267	4.000	2.630	4.782	65,8%	55%
3	Nợ dài hạn (> 60 tháng)	-	-	-	-								
4	Nợ ưu tiên đầu tư	-	-	-	-								
II	Phân theo thành phần kinh tế	273.720	311.736	245.134	261.537	78,6%	94%	25.033	37.000	26.604	20.554	71,9%	129%
1	Hộ gia đình cá nhân	207.869	244.530	180.933	203.726	74,0%	89%	25.033	37.000	26.604	20.554	71,9%	129%
	<i>Trong đó: Vay qua tổ chức vay vốn</i>	-	-	-	-								
2	Doanh nghiệp	-	-	-	-								
3	Cho vay tiêu dùng khác	65.851	67.206	64.201	57.811	95,5%	111%						
III	Phân theo chất lượng tín dụng	273.720	311.736	245.134	261.537	78,6%	94%	25.033	37.000	26.604	20.554	71,9%	129%
1	Nhóm I(Nợ đủ tiêu chuẩn)	273.217	311.336	227.956	260.774	73,2%	87%	24.630	36.600	25.226	19.891	68,9%	127%
2	Nhóm II (Nợ cần chú ý)	115	100	124	270	124,0%	46%	115	100	124	270	124,0%	46%
3	Nhóm III (Nợ dưới tiêu chuẩn)	50	50	158	18	316,2%	878%	50	50	158	18	316,2%	878%

	Chỉ tiêu	Tổng các quỹ tín dụng nhân dân						Quỹ tín dụng nhân dân Hoàng Tiến					
		Thực hiện năm 2016	Kê hoạch năm 2017	Thực hiện 7 tháng năm 2017	cùng kỳ năm trước	% so sánh kế hoạch	% so sánh cùng kỳ năm	Thực hiện năm 2016	Kê hoạch năm 2017	Thực hiện 7 tháng năm 2017	cùng kỳ năm trước	% so sánh kế hoạch	% so sánh cùng kỳ năm trước
4	Nhóm IV (Nợ nghi ngờ mất vốn)	12	50	135	201	270,0%	67%	12	50	135	201	270,0%	67%
5	Nhóm V (Nợ có khả năng mất vốn)	326	200	16.761	274	8380,3%	6110%	226	200	961	174	480,3%	551%
	Trong đó nợ xấu từ nhóm III đến nhóm V	388	300	17.054	494	5684,5%	3452%	288	300	1.254	394	417,9%	318%
C	DỊCH VỤ	-	-	-	-								
	- Số thẻ ATM	-	-	-	-								
	- Dự nợ ATM	-	-	-	-								
	- Mobie banking (khách hàng)	-	-	-	-								
	- Doanh thu bảo hiểm	-	-	-	-								
D	LÃI SUẤT HUY ĐỘNG VÀ CHO VAY BÌNH QUÂN 10 THÁNG	-	-	-	-								
I	Lãi suất huy động/tháng	-	-	-	-								
	Tiết kiệm không kỳ hạn	0	0	0	-			0,083%	0,083%	0,083%			
2	Tiết kiệm có kỳ hạn(từ 1-12 tháng)	0	0	0	-			0,56%	0,53%	0,56%			
3	Tiết kiệm có kỳ hạn(từ >12tháng trở lên)	0	0	0	-			0,75%	0,70%	0,70%			
II	Lãi suất cho vay/tháng	-	-	-	-								
1	Ngắn hạn (<= 12tháng)	0	0	0	-			1,15%	1,10%	1,15%			
2	Trung và dài hạn (> 12 tháng)	0	0	0	-			1,20%	1,15%	1,20%			
E	LỢI NHUẬN	-	-	-	-								
a	Lợi nhuận trước thuế	4.411	4.616	1.015	-	22,0%		83	83	(118)			
b	Lợi nhuận sau thuế	3.655	3.842	869	-	22,6%		70	70	(118)			
G	TỔNG HỢP CÁC LOẠI THUẾ	759	777	148	-	19,0%		13	13	-	-		
	Thuế môn bài	3	3	2	-	61,5%							
	Thuế GTGT	-	-	-	-								
	Thuế TNDN	756	774	146	-	18,9%		13	13				0%

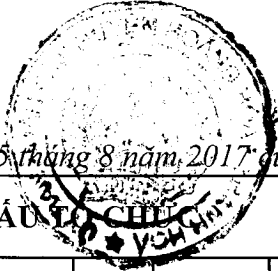


	Chỉ tiêu	Quỹ tín dụng nhân dân Hoằng Trường					Quỹ tín dụng nhân dân Hoằng Đạt					
		Thực hiện năm 2016	Kê hoạch năm 2017	Thực hiện 7 tháng năm 2017	cùng kỳ năm trước	% so sánh kế hoạch	% so sánh cùng kỳ năm	Thực hiện năm 2016	Kê hoạch năm 2017	Thực hiện 7 tháng năm 2017	cùng kỳ năm trước	% so sánh kế hoạch
4	Nhóm IV (Nợ nghi ngờ mất vốn)											
5	Nhóm V (Nợ có khả năng mất vốn)											
	<i>Trong đó nợ xấu từ nhóm III đến nhóm V</i>											
C	DỊCH VỤ											
-	Số thẻ ATM											
-	Dư nợ ATM											
-	Mobie banking (khách hàng)											
-	Doanh thu bảo hiểm											
D	LÃI SUẤT HUY ĐỘNG VÀ CHO VAY BÌNH QUÂN 10 THÁNG											
I	Lãi suất huy động/tháng											
	Tiết kiệm không kỳ hạn	0,083%	0,083%	0,083%			0,080%	0,080%	0,080%			
2	Tiết kiệm có kỳ hạn(từ 1-12 tháng)	0,54%	0,54%	0,54%			0,54%	0,51%	0,51%			
3	Tiết kiệm có kỳ hạn(từ >12tháng trở lên)	0,70%	0,70%	0,70%			0,75%	0,66%	0,66%			
II	Lãi suất cho vay/tháng											
1	Ngắn hạn (<= 12tháng)	0,83%	0,83%	0,83%			1,10%	1,10%	1,10%			
2	Trung và dài hạn (> 12 tháng)	13,80%	13,80%	13,80%			1,10%	1,10%	1,10%			
E	LỢI NHUẬN											
a	Lợi nhuận trước thuế	425	534	239			19	25	19			76,0%
b	Lợi nhuận sau thuế	353	443	196			9	21	17			81,0%
G	TỔNG HỢP CÁC LOẠI THUẾ	73	92	43	-		11	5	2			42,1%
	Thuế môn bài	0,50	0,50				0,75	0,75				
	Thuế GTGT											
	Thuế TNDN	72	91	43			10,00	4,0	2,0			50,0%

	Chỉ tiêu	Quỹ tín dụng nhân dân TT Bút Sơn						Quỹ tín dụng nhân dân xã Hoàng Trinh					
		% so sánh cùng kỳ năm	Thực hiện năm 2016	Kê hoạch năm 2017	Thực hiện 7 tháng năm 2017	cùng kỳ năm trước	% so sánh kế hoạch	% so sánh cùng kỳ năm trước	Thực hiện năm 2016	Kê hoạch năm 2017	Thực hiện 7 tháng năm 2017	cùng kỳ năm trước	% so sánh kế hoạch
4	Nhóm IV (Nợ nghi ngờ mất vốn)												
5	Nhóm V (Nợ có khả năng mất vốn)							100		15.800		100	
	<i>Trong đó nợ xấu từ nhóm III đến nhóm V</i>							100		15.800		100	
C	DỊCH VỤ												
-	Số thẻ ATM												
-	Dư nợ ATM												
-	Mobie banking (khách hàng)												
-	Doanh thu bảo hiểm												
D	LÃI SUẤT HUY ĐỘNG VÀ CHO VAY BÌNH QUÂN 10 THÁNG												
I	Lãi suất huy động/tháng												
	Tiết kiệm không kỳ hạn		0,083%	0,083%	0,083%			0,083%	0,083%	0,083%			
2	Tiết kiệm có kỳ hạn(từ 1-12 tháng)		0,48%	0,48%	0,48%			0,48%	0,480%	0,480%			
3	Tiết kiệm có kỳ hạn(từ >12tháng trở lên)		0,58%	0,58%	0,58%			0,58%	0,58%	0,58%			
II	Lãi suất cho vay/tháng												
1	Ngắn hạn (<= 12tháng)		0,97%	0,97%	0,95%			0,95%	0,95%	0,95%			
2	Trung và dài hạn (> 12 tháng)		1,00%	1,00%	1,00%			1%	1%	1%			
E	LỢI NHUẬN												
a	Lợi nhuận trước thuế		1.164	1.164	471			1960,00	1960,00				
b	Lợi nhuận sau thuế		966	966	391			1.627	1.627				
G	TỔNG HỢP CÁC LOẠI THUẾ		199	199	81	-		334	334	1	-		
	Thuế môn bài		1	1,00	1,00			1,00	1,00	1			
	Thuế GTGT												
	Thuế TNDN		198	198	80			333	333				

	Chỉ tiêu	Quỹ tín dụng nhân dân xã Hoàng Đạo						
		% so sánh cùng kỳ năm trước	Thực hiện năm 2016	Kê hoạch năm 2017	Thực hiện 7 tháng năm 2017	cùng kỳ năm trước	% so sánh kế hoạch	% so sánh cùng kỳ năm trước
A	NGUỒN VỐN	51%	79.562	85.000	82.800	84.863	97,4%	98%
I	Vốn điều lệ	90%	2.551	2.600	2.559	2.484	98,4%	103%
II	Vốn huy động	36%	72.636	77.900	76.341	77.997	98,0%	98%
I	Vốn huy động nội tệ	36%	72.636	77.900	76.341	77.997	98,0%	98%
*	<i>Phân theo thời gian</i>	36%	72.636	77.900	76.341	77.997	98,0%	98%
+	Tiền gửi không kỳ hạn		9	4	2	100	50,0%	2%
+	Tiền gửi có kỳ hạn	36%	72.627	77.896	76.339	77.897	98,0%	98%
*	<i>Phân loại theo DT</i>	36%	72.636	77.900	76.341	77.997	98,0%	98%
+	Tiền gửi các tổ chức KT							
+	Tiền gửi từ khu vực dân cư	36%	72.636	77.900	76.341	77.997	98,0%	98%
2	<i>Vốn huy động ngoại tệ quy đổi VNĐ</i>							
III	Vốn đi vay	75%						
IV	Vốn khác (tài cấp vốn, ủy thác đầu tư,)	93%	4.375	4.500	3.900	4.382	86,7%	89%
B	DƯ NỢ CHO VAY	54%	51.738	60.000	58.600	51.858	97,7%	113%
I	Phân theo thời gian	54%	51.738	60.000	58.600	51.858	97,7%	113%
1	Nợ ngắn hạn(<= 12 tháng)	52%	50.858	60.000	58.600	51.858	97,7%	113%
2	Nợ trung hạn(> 12 tháng đến 60 tháng)	69%	880					
3	Nợ dài hạn (> 60 tháng)							
4	Nợ ưu tiên đầu tư							
II	Phân theo thành phần kinh tế	54%	51.738	60.000	58.600	51.858	97,7%	113%
1	Hộ gia đình cá nhân	54%	51.738	60.000	58.600	51.858	97,7%	113%
	<i>Trong đó: Vay qua tổ chức vay vốn</i>							
2	Doanh nghiệp							
3	Cho vay tiêu dùng khác							
III	Phân theo chất lượng tín dụng	54%	51.738	60.000	58.600	51.858	97,7%	113%
1	Nhóm I(Nợ đủ tiêu chuẩn)	34%	51.738	60.000	58.600	51.858	97,7%	113%
2	Nhóm II (Nợ cần chú ý)							
3	Nhóm III (Nợ dưới tiêu chuẩn)							

(Kèm theo Báo cáo 179 /UBND - BC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Chủ tịch UBND huyện Hoàng Hóa)



TT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ THÀNH VIÊN		CƠ CẤU TỔ CHỨC						KHÁCH HÀNG HUY ĐỘNG VỐN		GHI CHÚ
		Khi thành lập	Hiện nay	Tổng số	HD quản trị	Ban giám đốc	Ban kiểm soát	Kế toán	Lao động khác	Tổng	Hình thức	
1	Quỹ TDND Hoàng Tiến	45	843	16	3	2	3	3	5	212	Trực tiếp	Khách hàng huy động vốn Hoàng Tiến: 140, hoàng Ngọc: 12, Hoàng Thanh: 24, khu vực khác: 36
2	Quỹ TDND Thị Trấn Bút Sơn	33	1745	15	3	1	3	3	5	1867	Trực tiếp	Khách hàng huy động vốn TT Bút Sơn: 851, hoàng Đức: 490, Hoàng Vinh: 87, Hoàng Phúc: 281, Hoàng Xuyên: 33, khu vực khác: 125
3	Quỹ TDND Hoàng Đạo	26	1306	15	3	1	3	2	6	1570	Trực tiếp	Khách hàng huy động vốn Hoàng Đạo: 1502, hoàng Thăng : 49, ngoài địa bàn: 19
4	Quỹ TDND Hoàng Trường	25	932	14	3	1	3	2	5	416	Trực tiếp	Khách hàng huy động vốn Hoàng Trường: 383, hoàng Hải : 22, khu vực khác: 11
5	Quỹ TDND Hoàng Trinh	25	2091	13	3	1	3	2	7	674	Trực tiếp	Khách hàng huy động vốn Hoàng Trinh: 510, hoàng Trung: 30, Hoàng Lương: 33, Hoàng Kim: 10, Hoàng Sơn: 46, khu vực khác: 45
6	Quỹ TDND Hoàng Đạt	37	578	9	3	1	1	2	3	492	Trực tiếp	Khách hàng huy động vốn: Hoàng Đạt: 407, Hoàng Hà: 65, Hoàng Yên: 20
	TỔNG	191	7.495	82	18	7	16	14	31	5.231	-	